

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỞ CHÚ

QUYỂN 5

(Phần 2)

Căn trở về tánh để chứng, có năm:

1. A-Na-luật-đà có ba:

a) Kể lại nguyên nhân giác ngộ:

A-Na-luật-đà liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn, lúc con mới xuất gia, thường ham ngủ nghỉ, Như-lai quở trách con là đồ súc sinh, con nghe Phật quở trách, khóc lóc tự trách mình liền trong bảy ngày đêm không ngủ, mù cả hai mắt. Đức Thế tôn dạy con tu pháp “Tam-muội Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cương”. Hoặc A-nê-lâu-đâu, thành A-nậu-lâu-đà, đều là âm Phạm chuyển thành, Hán dịch là vô Diệt, hoặc dịch Như Ý, là anh em chú bác với Phật, con vua Bạch Phạm, thường ham ngủ. Như-lai quở trách con ngu như loài ốc trai, một lần ngủ là mê muội cả ngàn năm, chẳng nghe danh hiệu Phật, cho nên quở con là loài súc sinh, thường nói là Bán đầu thiên nhãn, nên gọi Tam-muội Kim Cương. Ở đây nói lên thật chứng này khác với xưa, nên dùng ý để đặc.

b) Trình bày ý chỉ giác ngộ.

Con chẳng nhờ mắt quán thấy mười phương, tịnh chân rỗng suốt như thấy trái cây trong lòng bàn tay. Như-lai ấn chứng cho con đặc quả A-la-hán. Dụng do Tam-muội kim Cương phát ra đều với dụng mà Phật thấy, cho nên nói cái thấy rỗng suốt khắp cả mười phương.

c) Kết luận đáp những điều đã hỏi:

Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con thì xoay cái thấy trở về bản tánh là hơn hết. Xoay cái vọng thấy đó trở về với chân nguyên, thì thấy trần cảnh tiêu diệt, tịnh chân rỗng suốt, phát ra tất cả chẳng ngăn ngại, đâu chỉ làm chướng ngại cái sắc nhỏ nhiệm bên ngoài mà thôi.

2. Châu-lợi-bàn-đạc-ca, có ba:

a) Nói lại nguyên nhân được giác ngộ:

Châu-lợi-bàn-đặc-ca liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Con thiếu sót sự trì tụng, không có tánh học rộng. Lúc gặp Phật nghe pháp xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như-lai nêu ra, trong một trăm ngày, hễ nhớ trước quên sau mà nhớ sau thì quên trước, Phật thương xót vì con ngu muội, dạy con ở một chỗ tu pháp quán Sổ tức.

Châu-lợi-bàn-đặc-ca, Hán dịch là Xà-nô, tức là sinh ra ở giữa đường, hoặc gọi là Kế Đạo, tánh thường ngu độn, thời quá khứ làm một vị Đại Pháp Sư, khéo hiểu rõ kinh, luận, có năm trăm vị đệ tử, nhưng Ngài lại giữ kín giáo pháp Phật, chẳng dạy cho người. Về sau, sinh ra bị tối tâm ngu độn, vì nhân linh ngày xưa nên gặp Phật xuất gia, năm trăm vị Tỳ-kheo đồng dạy một bài kệ, trải qua chín mươi ngày mà chẳng được thành tựu, để đối trị tâm tán loạn, nên dạy quán Sổ tức.

b) Trình bày ý chỉ giác ngộ:

Khi con quán hơi thở, sâu kín cùng tận sinh trụ diệt thay đổi trong từng sát-na, tâm con bỗng ngộ được vô ngại, hoàn toàn cho đến các lậu dứt sạch, đắc quả A-la-hán. Trước pháp tòa của Phật, được ấn chứng cho con thành bậc Vô học. Trước quán gió dứt, niệm niệm sinh diệt, sâu kín cùng tận, sinh diệt chẳng đến, gió dứt đã không, tâm mất sự phân biệt, rỗng rang đại ngộ tất cả chẳng ngăn ngại, cho nên đâu chỉ đối trị tán loạn mà cũng thấy được tướng thật của tự tâm.

c) Tổng kết đáp các câu hỏi:

Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con thì xoay hơi thở trở về với tánh không là hơn hết. Xoay hơi thở, sinh, diệt, trở về với vô sinh không, từ hơi thở phát minh, đây là Vô thượng.

3. *Kiều-phạm-bát-đề, có ba:*

a) Kể lại nguyên nhân giác ngộ.

Kiều-phạm-bát-đề liền đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Con có khẩu nghiệp, ở kiếp quá khứ, chế nhạo sa-môn, nên đời đời kiếp kiếp bị bệnh nhai như trâu. Đức Như-lai dạy con môn "Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa" tâm con được diệt, nhập Tam-ma-địa. Cũng âm là Cấp-phòng-bát-đề, Hán dịch là Ngưu Ty. Hễ trâu không ăn miệng cũng nhai nhop nhép, miệng người này như miệng trâu. Đại Luận nêu ra nhân duyên khác với kinh, dạy quán chiếc lưỡi, nếm vị nhập đạo, sẽ được pháp môn "Tâm Địa Nhất Vị", biết rõ vị từ đây dứt

hắn, cho nên nói diệt tâm nhập Tam-ma-địa.

b) Trình bày về ý chỉ giác ngộ, có hai:

b.1) Nói về quán hành:

Con quán biết vị chẳng phải thể, chẳng phải vật, ngay đó được siêu thoát các lậu thế gian. Quán căn nếm vị này, chẳng từ thể sinh, cũng chẳng phải từ vật khác sinh ra, mỗi thứ dường như vô sinh, làm sao có chung được? Trong duyên không được, chẳng phải duyên cũng vô, biết rõ vị rồi thì từ đâu mà có?

Một căn đã như vậy, thì nhiều căn cũng vậy, do đó được thoát khỏi các lậu.

b.2) Nói về ích lợi của quán:

Bên trong giải thoát thân tâm, bên ngoài lìa bỏ thế giới, xa lìa ba cõi như chim sổ lồng, lìa cấu tiêu trần, mất pháp thanh tịnh, thành quả A-la-hán. Như-lai ấn chứng cho con lên bậc Vô học. Căn trở lại nên bên trong giải thoát, trần tiêu nên bên ngoài lìa bỏ, trong ngoài đã mất, (tám trăm chín mươi tám) thì ai ở được trong ba cõi? Nên gọi là xa lìa. Tướng của tướng là trần, thức tình là cấu, xa lìa cả hai thì được pháp Vô Sinh nhãn, nên nói là mất pháp thanh tịnh.

c) Kết đáp về lời hỏi:

Phật hỏi về Viên thông, như sở chứng của con, thì xoay cái biết trở về tự tánh là trên hết, xoay cái vọng căn trần, trở về với tướng chân thật, pháp môn tâm địa cùng một lúc mở bày, đây là trên hết.

4. *Tất-lăng-già-Bà-ta, có ba:*

a) Nói lại nguyên nhân giác ngộ.

Tất-lăng-già-Bà-la liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn, khi con mới phát tâm theo Phật xuất gia, thường nghe Như-lai dạy về những việc chẳng vui trong thế gian. Lúc đi khất thực trong thành đang suy nghĩ về pháp môn, bất giác giữa đường bị gai độc đâm vào chân, khắp thân đau nhức.

Tất-lăng-già-Bà-la, Hán dịch là Dư Tập, Ngài gọi vị thần sông Hằng là Tiểu tỳ, chẳng phải cố tâm, do đời quá khứ làm Bà-la-môn mà vẫn còn tập khí ngã mạn. Lúc mới xuất gia, nghe Phật nói về khổ không, vô thường, bất tịnh của thế gian đều không đáng ưa thích, nhân đi khất thực, suy nghĩ pháp quán này, bỗng gặp duyên khổ sở, nên nói là đau nhức.

b) Trình bày ý chỉ giác ngộ, có hai:

Nói về quán hành: Con nghĩ có cái biết mới biết sự đau đớn

này, dấu biết cái biết là đau đớn, nhưng bản giác trong sạch vốn chẳng có năng đau và sở đau. Con lại suy nghĩ rằng, một thân đau có hai cái giác, đó là niệm giác, tri giác. Do đau mà khởi quán, quán thân này của con, có tri giác mới biết được sự đau đớn này, nhưng dù khởi quán sát, quán giác và đau đớn, quán tâm trong sạch, chẳng đau chẳng biết. Căn trần này suy nghĩ vọng thân tâm thì có, tâm chân tịnh thì không. Lại quán sát về niệm cái biết đau và cái biết của tâm tịnh, lúc đó thành hai cái giác, giác từ đâu mà có? Một thân hai giác lẽ ra thành hai Đức Phật. Nên biết giác này đều là hư huyễn, trong tâm thanh tịnh, chẳng có gì thật có.

Nói được giác ngộ:

Nhiếp niệm chưa lâu, thân tâm bỗng nhiên thành không, trong hai mươi một ngày các lậu đều dứt sạch, đắc quả A-la-hán, được Như-lai ấn chứng cho con lên bậc Vô học. Có tâm sở đắc, không khởi một niệm, gọi đó là nhiếp, trong thời gian đó. Năng giác, sở giác, năng quán, sở quán cùng lúc đều vắng lặng, không có trí phân biệt, liền được hiện tiền, chứng Vô Sinh nhẫn, cho nên nói thân tâm bỗng nhiên thành không.

c) Kết đáp lời hỏi:

Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì thuần giác quên thân là bậc nhất.

Năng quán, sở quán, năng đau và sở đau vắng lặng không có một pháp, nên gọi là thuần giác quên thân.

5. Tu-Bồ-đề, có ba:

a) Kể lại sự giác ngộ ở quá khứ:

Tu-Bồ-đề liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn, con từ nhiều kiếp đến nay tâm được vô ngại, tự nhớ thọ sinh nhiều đời như số cát sông Hằng, lúc còn trong thai mẹ đã biết vắng lặng.

Tu-Bồ-đề, Hán dịch là không sinh, cũng dịch là Thiện Hiện v.v... Vì lúc Ngài sinh ra thì hiển hiện tâm rõ không, thấu suốt đối với không, thường tu tập hạnh không, cho nên có tên là Không Sinh, đã nói nhiều kiếp như số cát sông Hằng, lại biết tánh không, đâu chỉ có ngày nay, mới chứng đắc.

b) Nói về ý chỉ giác ngộ, có hai:

b.1) Ngộ đản không.

Như thế cho đến mười phương thành không, cũng làm cho chúng sinh chứng được tánh không, vì tu quán không mà rõ tâm tánh không,

tất cả y báo, chánh báo, mình người, nhiễm tịnh, cho đến mười phương do tâm biến hiện đều thành tánh không. Tự mình thực hành như vậy, cũng giúp cho người chứng được tánh không, chỉ hướng về tánh không này, chưa có đủ pháp, cho nên nói đăn không.

b.2) Ngộ trung không:

Nhờ Như-lai phát minh giác tánh, vì chân không nên tánh không được sáng tỏ, đặc quả A-la-hán, đốn nhập biển không bảo minh của Như-lai, đồng với tri kiến Phật, con được ấn chứng thành bậc Vô học. Về giải thoát tánh không, con là trên hết. Tánh giác chân không tức lý Trung đạo, vì không chính là Như-lai tạng. Cho nên đầy đủ trùm khắp tất cả pháp, vì ánh sáng chiếu khắp pháp giới tánh, như châu Ma-ni tùy theo ý muốn mà sinh ra, như biển lớn rộng sâu, chứa đựng hết tất cả, tánh trí bình đẳng thấu hiểu hết cảnh trí như một, gọi là tri kiến Phật, dấu chứng được tánh không, nhưng bị tánh không ràng buộc, nên gọi là giải thoát.

c) Kết đáp về lời hỏi:

Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con thì các tướng nhập không, chẳng có điều gì không cùng tận, xoay pháp trở về không là trên hết.

Ban đầu chỉ là đơn không, không đối với các tướng, cho nên gọi là nhập phi.

Kế lại nói về không, không đối với tướng không cho nên gọi là chẳng cùng tận.

Vô cũng không, năm người kể trên nương vào căn mà chứng nhập đã xong.

Thức lặng trở về nguồn để chứng, có sáu:

1. *Xá-lợi-phất, có ba:*

a. Kể lại sự giác ngộ ở đời trước:

Xá-lợi-phất liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, Bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Con từ nhiều kiếp đến nay tâm và cái thấy thanh tịnh, thọ sinh như thế như số cát sông Hằng, đối với các pháp biến hóa của thế gian và xuất thế gian, hề thấy thì liên thông suốt, được vô ngại.

Xá-lợi-phất, Hán dịch là Thu Tử, cũng gọi là Thân Tử, tâm thấy thanh tịnh: Nghĩa là nhãn thức phát trí, thấy tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, đều thông suốt được lý do căn bản, được trí thế tục phân biệt các pháp, nên gọi là mất pháp.

b. Nói về sự giác ngộ ngày nay, có hai:

- Được mắt tuệ.

Giữa đường con gặp anh em Ca-diếp-ba, bèn đi theo xin được Ca-diếp giảng nói về nhân duyên, ngộ tâm không bờ mé. Anh em Ca-diếp tức là ba anh em Ca-diếp. Giảng nói nhân duyên tức là pháp Ba đế, nhờ nói rõ sinh mà ngộ lý chân không, chứng được Sơ quả tức là mắt tuệ. Chỗ khác thì nói gặp Mã Thắng, hoặc đồng thời gặp, chẳng phải riêng một người, Kinh đã nêu, đã nghe nhân duyên, nhân duyên tức không, liền được mắt tuệ, thấy lý Chân-đế.

- Được mắt Phật.

Con theo Phật xuất gia, thấy biết tròn sáng, được không sợ hoàn toàn, đắc quả A-la-hán, làm Trưởng tử Phật, từ miệng Phật sinh ra, từ pháp hóa sinh, thấy biết tròn sáng, tức thành tựu chân giác mẫu nhiệm tròn đầy. Từ nhân thức hiển hiện, ở đây do Như-lai chỉ bày pháp mẫu nhiệm giúp cho con được chứng, cho nên nói từ miệng Phật sinh ra, từ pháp hóa sinh.

c. Kết luận đáp câu hỏi.

Phật hỏi viên thông, như sở chứng của con thì tâm thấy phát quang, ánh sáng cùng cực của tri kiến, đây là bậc nhất.

Từ nhân thức phát ra trí sáng suốt, trí sáng tỏ đến chỗ cùng cực tức là tri kiến Phật, tức là ba trí năm mắt cùng lúc đầy đủ, đó gọi là cùng cực.

2. *Bồ-tát Phổ Hiền, có ba:*

a) Thờ Phật, phát hạnh nguyện:

Bồ-tát Phổ Hiền liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn; Con đã từng làm Pháp Vương Tử cho hăng sa Như-lai, các đức Như-lai ở mười phương dạy các đệ tử có căn cơ Bồ-tát của các Ngài tu hạnh phổ Hiền, hạnh đó từ con mà đặt tên.

Hạnh khắp pháp giới gọi là Phổ, địa vị rất gần bậc Thánh gọi là Hiền, Pháp Vương Tử của hăng sa Phật, các đệ tử Phật phát hạnh nguyện của con đều được gọi là Phổ Hiền.

b) Hạnh thành khởi dụng, có hai:

b.1) Chỉ ra thể, lược nêu:

Bạch Đức Thế tôn! Con dùng tâm nghe phân biệt tất cả tri kiến của chúng sinh. Tâm nghe là nhĩ thức phát minh, từ nhĩ thức mà được chân viên thông, nhập vào lý pháp giới, thức sinh diệt diệt, vắng lặng hiện tiền, cảnh và trí thâm hợp nhau, một thể không hai, trở lại ở tâm

nghe mà khởi dụng, phân biệt tri kiến của chúng sinh, phát minh (tám trăm tám mươi chín) được tức là hiện thân đó.

b.2) Y theo căn cơ giải thích rộng.

Nếu ở phương khác ngoài hằng sa thế giới, mỗi thế giới đều có một chúng sinh phát tâm theo hạnh Phổ Hiền, thì ngay lúc đó con cưỡi voi sáu ngàn phân thân thành trăm ngàn đều đến chỗ đó, dẫn cho họ nghiệp chướng con sâu, chưa thấy được con, con cũng thăm xoa đầu họ, ủng hộ an ủi, giúp họ được thành tựu hạnh nguyện, đã dùng tâm nghe, hợp với thể của pháp giới cảnh trí không hai. Cho nên tất cả chúng sinh trong pháp giới trong tâm đều khai ngộ hạnh Phổ Hiền, đều biết rõ, đều khởi ứng, hai cơ yếu hiển rõ đều được lợi ích.

3. Kết đáp về lời hỏi:

Phật hỏi về viên thông, nói nhân gốc của con thì tâm nghe khai ngộ phân biệt tự tại là bậc nhất, như văn kinh có chép.

3. *Tôn-đà-la-nan-đà, có ba:*

a) Kể lại sự kế thừa giáo pháp của Đức Thế tôn.

Tôn-đà-la-nan-đà liền đứng dậy khởi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Lúc con mới xuất gia với Phật, dẫu giữ đủ giới luật, nhưng đối với pháp Tam-ma-địa tâm thường tán loạn, chưa được vô lậu, Đức Thế tôn dạy con và Câu hy-la quán ở chót mũi.

Tôn-đà-la-nan-đà: Hán dịch là Diễm Hỉ, cộng thêm tên vợ mà được gọi như thế. Đó là em họ của Phật. Trước quán sổ tức liền y theo căn để nói, nay y theo quán thức, duyên chót mũi trú vào tâm mình không cho tán loạn.

b) Nương vào giáo lý tu quán, có hai:

b.1) Nói về quán hạnh:

Lúc con mới tu quán này, trong hai mươi một ngày, thấy hơi thở ra vào như khói, trong thân tâm sáng tỏ, chiếu khắp thế giới thành rộng không, trong sạch như lưu ly, khói ấy dần tiêu, hơi thở hóa thành trắng. Trước là quán tướng trắng trong hai mươi một ngày, sau thấy hơi thở như khói, khi quán này thành thì thân tâm nội phát, hoặc thân, hoặc dụng cụ đồng một lúc rộng không, trong ngoài thanh tịnh như lưu ly, đây là nhờ quán sát hơi thở sinh diệt, quán tâm rõ ràng, phát tuệ rộng không chiếu khắp thân giới, giống như ở phương tiện chưa thể quên duyên. Cho nên thấy khói kia biến thành màu trắng.

b.2) Nói lợi ích giác ngộ:

Tâm khai thì lậu tận, các hơi thở ra vào hóa thành ánh sáng, chiếu

khấp các thế giới mười phương, đắc quả A-la-hán. Đức Thế tôn thọ ký cho con sẽ đắc Bồ-đề: Vô sinh không tuệ đã hiện ra trước mắt, các hơi thở bất sinh thuần là trí tuệ, ánh sáng trí tuệ chiếu khắp tất cả đều như vậy. Thế giới chúng sinh đều mâu nhiệm tròn đầy, do đây mà lậu tận, sẽ được Bồ-đề.

c) Kết đáp lời hỏi:

Đức Phật hỏi về viên thông, con đã tiêu diệt hơi thở, hơi thở phát minh đã lâu, rõ ràng dứt sạch lậu là bậc nhất, như văn kinh.

4. *Phú-lâu-na, có ba:*

a) Kể lại sự biện luận đời trước, có hai.

a.1) Bàn luận đầy đủ về quyền thật:

Phú-lâu-na-Di-Đà-la-ni Tử liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Con từ nhiều kiếp đến nay biện tài vô ngại, giảng nói khổ không, đạt sâu thật tướng.

Phú-lâu-na dịch là Mãn, Di-da-la dịch là Tử, Ni Tử dịch là Thanh, được bốn biện tài, có từ nhiều kiếp, chẳng riêng gì ngày nay, thật tướng của khổ không là pháp quyền thật.

Trong ấn ngoài hiện, thành tựu chúng sinh, nhiều kiếp như vậy.

a.2) Giảng nói đủ pháp môn.

Như thế cho đến pháp môn bí mật của hằng sa Như-lai, con chỉ bày pháp mâu nhiệm cho chúng sinh, được hoàn toàn không sợ, chẳng phải pháp môn ngày nay một Đức Phật đã nói, pháp bí mật hằng sa Phật đã nghe, con đều nói về nghĩa không sợ cho chúng sinh nghe.

Nói mâu nhiệm nghĩa là: Khéo dùng lời nói thí dụ phương tiện, thuận theo cơ cảm.

b) Nói về hiện chứng:

Đức Thế tôn biết con giỏi về biện tài, dạy con dùng âm thanh xoay bánh xe pháp, mở mang chánh pháp, con ở trước Phật, giúp Phật xoay bánh xe pháp, nhờ có âm thanh sư tử hống mà đắc quả A-la-hán. Đức Thế tôn ấn chứng cho con nói pháp không ai hơn. Như-lai biết con có trí biện tài, bèn dạy con dùng miệng nói pháp. Đây là chỉ bày làm họ chẳng dùng tâm hạnh sinh diệt nói pháp Thật tướng, cho nên nếu tùy theo nói pháp thanh tịnh thì trí tuệ thanh tịnh, tùy theo trí tuệ thanh tịnh mà tâm họ thanh tịnh. Sư Tử Hống là thuyết vô úy.

c) Kết đáp về lời hỏi:

Phật hỏi về viên thông, còn dùng pháp âm hàng phục ma oán, tiêu diệt các lậu, đây là bậc nhất.

Bên trong dùng trí tuệ thiền định hàng phục dứt trừ ái kiến, bên

ngoài dùng thần thông nói pháp hàng phục chế ngự tà ma ngoại đạo, thì thành Niết-bàn còn, Tam bảo chẳng dứt.

5. *Ưu-ba-ly, có ba:*

a) Gặp Phật thọ giáo.

Ưu-ba-ly liền đứng dậy chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật mà Bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Con theo Phật vượt thành xuất gia, đích thân con thấy Như-lai sáu năm khổ hạnh, đích thân thấy Như-lai hàng phục các ma oán chế ngự các ngoại đạo, giải thoát tham dục, phiền não thế gian, được Phật chỉ dạy. Ưu-Ba-ly, Hán dịch là Cận Chấp, là vị quan làm việc gần gũi lúc Như-lai còn làm Thái tử, còn tại gia thì làm việc, xuất gia cũng giống như vậy. Mới thấy Như-lai tu hành hàng phục ma oán, chế ngự ngoại đạo, dứt trừ mê hoặc được thành Phật đạo, cho nên thờ phụng lời dạy của Đức Như-lai bằng cách trì giới.

Trong luật nói: Độ những người thuộc giòng họ Thích thì Ưu-Ba-ly là người được độ trước, vì trước theo Phật sau mới được độ.

b) Nhờ giới được chứng đắc:

Như thế cho đến ba ngàn oai nghi, tám muôn hạnh nhỏ nhiệm, tánh nghiệp và gia nghiệp đều thanh tịnh, thân tâm vắng lặng, đắc quả A-la-hán. Con là người điều hành kỷ luật trong chúng, Thế tôn ấn chứng cho con là người giữ giới tu thân bậc nhất. Có oai đáng sợ, có nghi đáng noi theo, hai trăm năm mươi giới, mỗi giới đều có bốn oai nghi, lại đối với ba nhóm, cho nên thành ba ngàn. Lại phối hợp ba ngàn với bảy giác chi, thân và miệng, bốn phần phiền não, chuyển thành tám mươi bốn ngàn oai nghi, nay nêu số chẵn mà thôi.

Tánh sát, đạo, dâm, vọng vốn là tội, chẳng đợi chế ra, phạm liễu thành nghiệp, nên gọi là tánh nghiệp. Ngoài ra do có lỗi mới chế, nếu phạm khi chưa chế giới thì không có tội, cho nên gọi là quá nghiệp. Nhờ giữ giới nên chẳng phạm các trần, trần không sinh, cũng không đắc, cho nên thân vắng lặng, thân con chẳng có thì tâm con nương vào đâu. Căn trần đã mất, tâm chẳng thật có, nên cũng vắng lặng, các pháp như thế cùng lúc thanh tịnh, chỉ có một giác bấu xưa nay vô nhiễm, đây là giữ giới chân thật do đó được chứng.

Nói kỷ luật là: chỗ kết yếu, vì quyết đoán được nhẹ, nặng, khai, già trì, phạm, chế ra cho chúng thực hành, khiến cho pháp của người cao thượng, để làm khuôn phép cho người đời sau.

c) Kết đáp về lời hỏi:

Phật hỏi về viên thông, con do giữ thân, thân được tự tại, kể đến

giữ tâm, tâm được thông suốt, sau đó tất cả thân tâm đều lạnh lợi, đó là bậc nhất. Giữ giới tu thân, đề ngăn ngừa trần nhiễm, quán tướng thật của thân thì trần tự chẳng sinh, có khả năng phân biệt, tâm nương vào chỗ nào mà có? Do đó thân tâm thông suốt tự tại.

6. Mục-kiền-liên, có ba:

a) Gặp nhân duyên được nghe giáo pháp:

Đại Mục-kiền-liên liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Trước kia con khát thực giữa đường, gặp ba anh em ngài Ca-diếp-ba-la, Ưu-lâu-tần-loa, Già-da-na-đề giảng về nghĩa nhân duyên sâu xa của Như-lai. Mục-kiền-liên là họ, dịch là Thái Thúc, tên Câu-luật-đà, dịch là Vô Tiết Thọ. Ưu-lâu-tần-loa, Hán dịch là mộc-cô-lâm. Già-da dịch là Thành, Na-đề dịch là Giang, duyên như hòa hợp trong Xá-Lợi-phất.

b) Nhờ lời được thông suốt giác ngộ, có hai:

b.1) Được giác ngộ mà vào đạo:

Còn đốn phát tâm, được thông đạt hoàn toàn, Như-lai ban cho con áo cà-sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng, trước nghe nghĩa sâu xa của nhân duyên, tức nhờ nhân duyên mà hiểu sâu được thật tướng, thật tướng vô tướng, thân tâm vắng lặng, do đó khai ngộ gọi là Thông đạt hoàn toàn.

b.2) Nhờ giác ngộ mà được thông suốt:

Con đi khắp mười phương không hề quái ngại, phát ra thần thông, được suy tôn bậc nhất, đặc quả A-la-hán. Cúi mong Thế tôn và các Đức Như-lai mười phương đều khen ngợi thần lực của con tròn sáng thanh tịnh tự tại, không sợ sệt. Nghĩa là do khai ngộ mà không sinh phân biệt, ý thức không khởi, liền xoay ý sinh diệt luống dối hàng phục trở lại nguyên giác. Tánh vắng lặng đã sâu, tâm mâu sáng tỏ, đại dụng của thần thông nhờ đây hiện ra, có thể đi khắp mười phương vô ngại tự tại.

c) Kết luận đáp về lời hỏi, lại chỉ ra:

Phật hỏi về viên thông, con xoay ý thức lăng xăng trở về vắng lặng, tâm mâu sáng tỏ, như nước đục để lắng, lâu thành nước trong, đây là hơn hết. Xoay về vắng lặng tức là định, ánh sáng tâm tức tuệ, nhờ định phát tuệ, thần dụng vô biên, như nước lắng trong muôn tượng hiện ra. Sáu hạng người trên nương vào thức mà ngộ nhập.

Bốn chứng giống nhau, có bảy:

1. Hỏa Đầu Kim Cương, có ba:

a) Gặp Phật được nghe giáo pháp:

Ô-xô-sất-ma ở trước Đức Như-lai, chấp tay đánh lễ dưới chân Phật mà bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Con thường nhớ nhiều kiếp xa xưa nặng về tham dục. Lúc ấy, có Phật ra đời hiệu là Không Vương, nói người nặng về dâm thì thành đồng lửa dữ.

Ô-xô-sất-ma, Hán dịch là Hỏa Đầu, do nặng nề tham dục, nghe lời dạy tu quán, từ đó được giác ngộ, người tham dục hừng hực là nhân nga quý địa ngục, nhân là lửa dục hừng hực, quả là lửa nghiệp thiêu đốt, tướng của cả hai nhân quả đều gọi là đồng lửa.

b) Nướng vào giáo pháp tu quán, có hai:

b.1) Quán thành thì được giác ngộ.

Dạy con quán khắp hải cốt tứ chi, các hơi lạnh nóng, ánh sáng tinh thần lóng lạng bên trong, tâm nặng về dâm hóa thành lửa trí tuệ, trước là quán thân tâm, chỉ thấy xúc ấm. Sau quán về hơi ấm, vô tướng vô sinh, thân con rộng không, thì hơi ấm nướng vào đầu, thân tâm vắng lạng, tánh lửa khéo phát ra. Cho nên nói ánh sáng tinh thần lóng lạng ở trong thành lửa trí tuệ.

b.2) Chỉ lại giải thích thành tựu.

Từ đó, Chư Phật đều gọi con là Hỏa Đầu, con dùng năng lực “Tam-muội Hỏa Quang” đắc quả A-la-hán, tâm phát nguyện lớn, Chư Phật thành đạo, con sẽ làm đại lực sĩ đích thân hàng phục ma oán. Nhờ quán tánh lửa, được Tam-muội chân thật, cho lửa là cửa đầu tiên vào đạo, nên gọi là Hỏa đầu. Lửa có công năng phá hoại tất cả các pháp, nên mới phát nguyện lớn, làm lực sĩ phá ma, ủng hộ Phật pháp.

c) Kết đáp về lời hỏi:

Phật hỏi về viên thông, con quán kỹ hơi ấm trong thân lưu thông chẳng ngại, các lậu dứt sạch, phát lửa trí tuệ, lên Vô Thượng giác, đây là bậc nhất. Hơi ấm tức là tánh không, cho nên nói không ngăn ngại, tánh lửa khéo phát, nên gọi là lưu thông, bên trong lóng lạng, bên ngoài hiện hành, cho nên sinh ra lửa báu.

2. Bồ-tát Trì địa, có ba:

a. Gặp Phật thọ giáo, có ba:

Từng gặp Chư Phật tu tập đầy đủ phước nghiệp.

Bồ-tát Trì Địa liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Con nhớ kiếp xa xưa có Đức Phật Phổ Quang ra đời, còn làm Tỳ-kheo, thường hay sửa sang cầu đường, bến nước, nơi gặp ghềnh lồi lõm, cản trở xe cộ, con đều san bằng, hoặc làm cầu cống,

hoặc gánh cát đất, siêng năng chịu khổ, trải qua vô lượng Đức Phật xuất hiện ở đời như vậy. Hoặc có chúng sinh ở trong chợ búa cần người mang đồ. Con mang đến chỗ kia bỏ vật rồi đi, mà chẳng lấy tiền, siêng năng khổ nhọc làm lợi ích các chúng sinh, trải qua vô lượng Đức Phật thực hành pháp thí vô úy, nhờ đó được nhiều phước đức. Thường chợ gọi là Hoán, cửa chợ gọi là Hội.

Gặp riêng Tỳ-xá, đích thân được sự chỉ bày.

Khi Phật Tỳ-Xá-Phù ra đời nhằm lúc đói kém, con cũng giúp người, chẳng kể xa gần, chỉ lấy một xu, hoặc có xe ngựa bị sa xuống bùn lầy, còn dùng thân lực đẩy xe lên khỏi chỗ bị lún giúp họ thoát khổ nạn. Thuở đó, vua nước đó thiết trai cúng dường Phật. Bấy giờ, con san bằng đất đợi Phật đi qua, Tỳ-Xá Như-lai xoa đỉnh đầu con bảo: Nên làm cho đất tâm bằng phẳng thì tất cả đất trên thế gian đều bằng phẳng, Tỳ-Xá-Phù, Hán dịch là Biến Nhất Thiết Tự Tại, con sửa sang lại đường xá, đợi Phật đi qua. Phật dùng pháp môn mình đã chứng làm cho chúng sinh bình đẳng đất tâm, thì tất cả đều bình đẳng: Tâm là chỗ nương của muôn pháp, bình đẳng bao gồm nuôi dưỡng tất cả, đó gọi là đất. Nếu quán xét tánh hay bình đẳng này tương ứng với ở đây, thì tất cả pháp bình đẳng, tự tại vô ngại, do đó Đức Phật gọi là Nhất Thiết Tự Tại.

b. Nhờ giáo lý được giác ngộ, có hai.

b.1) Trình bày ý chỉ giác ngộ.

Tâm con liền khai ngộ, thấy thân nhiều như bụi nhỏ với tất cả cát bụi tạo ra thế giới bình đẳng không khác nhau. Vì trần tự tánh không xúc chạm nhau, cho đến đao binh xúc chạm nhau, nghe bình tâm địa, liền ngộ tâm mình xưa nay bình đẳng. Hoặc thân, hoặc cát bụi của thế giới đều chẳng có tự tánh, nhưng từ luống dối phân biệt mà hiện khởi, chỉ có một Thật tướng, vốn là Như-lai tạng, giống như bị nhắm mắt nên vọng thấy hoa đốm trong hư không, hư không vốn chẳng có hoa thì tại sao lại chướng ngại nhau? Do đó đao binh chẳng xúc chạm nhau.

b.2) Nhờ ngộ mà được chứng.

Con đối với pháp tánh ngộ được Vô sinh nhẫn, đắc quả A-la-hán. Nay hồi tâm vào địa vị Bồ-tát, nghe Chư Phật giảng nói Diệu pháp Liên Hoa nhập tri kiến Phật, con phát minh trước là bậc thượng thủ: hai trần thân thể và thế giới nhiễm tịnh các pháp vốn không có tự tánh, chỉ là tướng thật, tánh Như-lai tạng, nên gọi là Pháp tánh, đối với pháp nhẫn này vốn chẳng sinh diệt, chắc chắn không sai lầm, nên gọi là Vô Sinh Nhẫn. Người này giác ngộ lý Đại thừa mà bước lên quả Tiểu thừa, tùy theo ý ưa thích kia muốn vào thì vào, như các Bồ-tát ở Tây Vực v.v...

đều giác ngộ giáo lý Đại thừa, bèn chê bỏ Tiểu thừa như nhỏ nước bọt, thường nhờ vua thỉnh mới chứng quả Tiểu thừa, do ý ưa thích của người đâu chẳng phải như vậy. Xưa kia, Ngài Trì Địa chứng đắc Kinh Pháp Hoa, thấy nói trong phẩm Phổ Môn.

c) Chỉ bày lại về kết đáp:

Phật hỏi về viên thông, con quán kỹ thân và thế giới hai thứ cảnh trần chẳng khác nhau, vốn là Như-lai tạng, do luống dối phát ra cảnh trần, trần tiêu thi trí tròn đầy, thành đạo vô thượng, đây là bậc nhất: lời như văn rất dễ hiểu.

3. *Đồng Tử Nguyệt Quang, có ba:*

a) Gặp Phật thọ giáo.

Đồng Tử Nguyệt Quang liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Thủy Thiên ra đời, dạy các Bồ-tát tu tập Quán nước, nhập Tam-ma-địa. Nguyệt là mặt trăng, có khả năng sinh ra trong nước và được gặp Phật, đều nhờ tu tập mà được tên gọi ấy.

b) Nương vào giáo lý mà tu quán, có hai:

Trình bày đầy đủ về việc tu hành, có hai:

* Thành tựu tướng nước có hai:

- Thực hành quán tưởng:

Con quán tánh nước trong thân chẳng đoạt mất, bắt đầu từ nước mũi, nước miếng, cùng tận như vậy. Các thứ dịch vị, tinh huyết, đại tiểu tiện trôi chảy trong thân, đồng một tánh nước. Thấy nước trong thân cùng nước các biển nước thơm cõi Phù Tràng Vương, bên ngoài thế giới đều bình đẳng chẳng khác nhau. Tánh nước một vị, lại chẳng bị tướng khác làm cho nghiêng động, nên gọi là không xâm Đoạt Biển nước thơm cõi Phù Tràng Vương: Theo kinh Hoa Nghiêm thì: Trong biển Hoa Tạng có hoa sen lớn, trong hoa sen đó có các biển nước nước thơm, mỗi biển nước thơm là hạt giống của các thế giới Chư Phật. Nay quán nước trong thân giống như nước trong biển kia, nên nói chẳng khác nhau.

- Nói về sự chứng đắc nghiêng về:

Khi con mới tu thành quán này, chỉ thấy nước, chưa được không thân, khi tướng nước thành tựu, chỉ được vô ngã, còn chấp tướng nước hoàn toàn ở thân, chưa mất pháp chấp, nên chưa quên thân.

* Nhờ quán mà gặp được duyên, có bốn:

- Nhập quán gặp duyên.

Lúc ấy, con là Tỳ-kheo ngồi thiền trong phòng, đệ tử con đứng bên

ngoài nhìn vào cửa sổ, chỉ thấy nước trong đầy khắp phòng, chứ hoàn toàn chẳng thấy gì, vì chúng nhỏ dại không biết bèn lấy một miếng ngói ném vào nước, nghe một tiếng chũm rồi bỏ đi. Ban đầu tưởng về giả, tuy thấy nước kia và biển nước thơm không khác nhau, chỉ tâm mình thấy, còn người chẳng thấy. Nay nhờ năng lực định chuyển thành cao quý, quả sắc cũng cao quý, mới hiểu thấu cái thấy của người, tức thật sự là quả định, không cùng với tưởng về mười biển xứ thành cái thấy của mình.

- Khi Xuất quán dường như bị bệnh.

Khi con xuất định thấy tim đau như Xá-lợi-phất bị quỷ Vi hại đánh, con nghĩ: Nay mình đã đắc quả A-la-hán, lìa duyên bệnh đã lâu, sao nay bỗng nhiên tim bị đau, e rằng đã lui sụt rồi chăng? Lúc ngài Chân Tử nhập định bên bờ sông Hằng bị quỷ đánh, lúc xuất định bị đau đầu, Phật bảo rằng: Nếu ông không định thì sẽ bị nát thân, nay con cũng vậy, e rằng đã lui sụt đạo quả đã chứng.

- Xét nhân duyên rồi chỉ bảo:

Lúc bấy giờ, Đồng tử đến kể lại việc trên, con bèn bảo nó. Nếu sau này người lại thấy nước thì nên mở cửa vào nước lấy cục gạch ra.

- Lại định được an.

Đồng tử vâng lời, khi con nhập định, nó lại thấy nước và cục gạch rõ ràng, bèn mở cửa lấy ra, sau đó con xuất định thì thân thể lại bình thường như cũ.

Nhờ tu mà được chứng đắc:

Trải qua nhiều kiếp con đã gặp vô lượng Phật, như thế đến đời Đức Phật Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như-lai thì con mới được quen thân, cùng các biển nước thơm ở các thế giới trong mười phương, tánh hợp với chân không, chẳng hai chẳng khác. Nay ở chỗ Như-lai được hiệu là Đồng chân, dự vào hội Bồ-tát. Trước vẫn quán nước nay hợp với chân không, chẳng thật có nước, đều là Như-lai tặng, cho nên nói quen thân liền chứng pháp không.

c) Kết thúc những điều đã hỏi:

Phật hỏi về viên thông, con do quán tánh nước một vị lưu thông mà được Vô Sinh Nhẫn, Bồ-đề tròn đầy, đây là bậc nhất.

4. *Bồ-tát Lưu Ly Quang, có ba:*

a) Gặp Phật thọ giáo.

Pháp Vương Tử Lưu Ly quang liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn: Hằng sa kiếp trước, có Phật Vô Lượng Thanh ra đời, chỉ bày bảo giác diệu minh cho

hàng Bồ-tát, quán thế giới và thân chúng sinh này đều theo sức gió vọng duyên xoay chuyển.

Lưu-ly gọi đủ là phệ-lưu-ly, Hán dịch là Viên Sơn Bảo, nhờ quán sức gió của thân tâm xoay chuyển, quán thành tựu thì được dụng, thân tâm trong suốt như lưu-ly kia, nên gọi như vậy. Đức Phật đã được danh hiệu Vô Lượng Thanh cũng nhờ quán gió mà được gọi tên như vậy.

Khai thị bản giác mà quán gió: Gió là tướng động, đã thuộc về vọng, xưa nay chẳng động, không động tức bản giác, do đo muốn hiển hiện cái không động mà quán động.

b) Nướng vào giáo lý tu quán, có hai:

b.1) Chánh tu quán hạnh:

Bấy giờ, con quán sự an lập thế giới, quán khí thế giới động, quán thân động dứt, quán tâm động niệm, các động ấy không hai, bình đẳng chẳng khác nhau, đây là nêu cảnh sở quán.

Lúc đó, con hiểu rõ các tánh động này, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, chúng sinh điên đảo như cát bụi ở mười phương đồng một luống đối, như thế cho đến tất cả chúng sinh trong Tam thiên Đại thiên thế giới, như trong một cái bình đựng trăm con muỗi kêu vo ve, ở chỗ nhỏ hẹp phát ra cũng cuồng náo, chính là quán sát.

Đã là thân tâm thế giới đều do gió động, gió từ đâu sinh mà động các vật, khi vật chẳng động thì đi về đâu?

Gió đã không từ đâu đến mà vật thành vọng động, cho nên thấy tất cả chúng sinh trong mười phương tự phát ra cuồng náo, đồng một luống đối, vốn chẳng có sở nhân.

b.2) Quán xét thành tựu thì được lợi ích.

Con gặp Phật chưa bao lâu thì được Vô Sinh Nhẫn, lúc bấy giờ tâm khai ngộ, mới thấy cõi Phật Bất Động ở phương Đông, làm pháp Vương Tử, thờ phụng Chư Phật ở mười phương, thân tâm phát ra ánh sáng thấu suốt không ngăn ngại, chưa bao lâu giống như gần, nường vào giáo lý quán sát, thọ giáo chưa bao lâu liền chứng được Vô Sinh Nhẫn, nhờ quán sinh diệt mà chứng bất Sinh diệt, nên thấy cõi Phật Bất Động ở Phương Đông.

Thân con và tất cả đồ đựng vốn là bản giác diêu minh nguyên thể, cho nên nói phát ra ánh sáng thấu suốt chẳng ngăn ngại.

c) Kết đáp lời hỏi.

Phật hỏi về viên thông, con do quán sát sức gió không nường vào đâu, ngộ tâm Bồ-đề, nhập Tam-ma-địa, khế hợp với Chư Phật mười phương truyền một tâm mẫu, ấy là bậc nhất.

5. *Bồ-tát Hư Không Tạng, có bốn:*

a) Sở đắc đồng với Phật.

Bồ-tát Hư không Tạng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn! Con và Như-lai chứng vô biên thân ở thời Đức Phật Định Quang. (Phật Định Quang tức là Phật Nhiên Đăng): do quán bốn đại luống dối có sinh mà không có vật để được đồng với hư không, nên được thân tướng như hư không trùm khắp, vô ngại.

b) Nói lại đầy đủ thần dụng:

Lúc bấy giờ, tay con cầm bốn hạt châu lớn, chiếu sáng vô số cõi Phật trong mười phương hóa thành hư không, lại trong tự tâm hiện các gương tròn lớn, bên trong phát ra mười thứ ánh sáng báu nhiệm mầu, rưới khắp mười phương và các cõi Tràng Vương tận hư không, đều vào trong gương, xen lẫn vào thân con, thân con đồng với hư không, chẳng ngăn ngại nhau, thân con có khả năng đến vô số cõi nước, làm nhiều Phật sự, được thuận theo hoàn toàn. Quán tánh bốn đại cho đến tự tâm chỉ là bảo giác, tròn sáng thanh tịnh, thể giác vô ngại, trùm khắp tất cả. Cho nên có khả năng dùng hạt châu soi chiếu khắp các cõi mười phương, hóa thành hư không, ở trong tâm hiện ra gương, ánh sáng soi các cõi, đến vào trong gương, xen lẫn vào thân, chẳng ngăn ngại nhau, thuận theo bố thí rộng khắp, làm các Phật sự.

Mười thứ ánh sáng là: mười thân Lô-xá-na.

c) Nhờ quán mà được chứng:

Thần lực rộng lớn này, do con quán kỹ bốn đại chẳng nương vào vọng tưởng, sinh diệt hư không chẳng hai, cõi Phật vốn đồng, do đồng mà phát minh, được Vô sinh Nhẫn.

Ở đây nói lại sự quán xét thành tựu được Vô Sinh Nhẫn phát ra đại dụng này. Bốn đại, thân tâm, hư không cõi Phật đồng là luống dối chỉ là viên thường, việc phát dụng này đâu câu nệ vào nơi chốn?

d) Kết đáp lời hỏi:

Phật hỏi về viên thông, con do quán sát hư không vô biên, nhập vào Tam-ma-địa, (chín trăm lễ hai) năng lực mầu tròn sáng, đây là bậc nhất. Vì quán không, mà hiện thân, hiện cõi nước xen lẫn nhau, nương vào đây mà là được hiệu là Hư Không Tạng.

6. *Bồ-tát Di-lặc, có ba.*

a) Gặp Phật thọ giáo:

Bồ-tát Di Lặc liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, con nhớ vô số kiếp trước có

Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ra đời, con xuất gia với Đức Phật ấy. Còn ham danh dự thế gian, thích đến nhà giàu sang. Lúc ấy, Đức Thế tôn dạy con tu tập định duy tâm thức, nhập vào Tam-ma-địa. Gọi đủ là Mai-tử-lợi-duệ-na, Hán dịch là Từ Thị.

Vào Thời Phật Đăng Minh, Bồ-tát Diệu Quang có tám trăm vị đệ tử, trong số đó có vị tên là Cầu Danh, chính là vị này. Tâm nặng về tiếng tăm thế gian, thích đến nhà giàu sang. Vì, tâm thấy cảnh bên ngoài rong ruổi không dứt, phân biệt chủng loại danh tướng các pháp mà không biết tự tâm huân tập hiện hành, tức là không hiểu rõ tâm và duyên, sinh ra hai thứ vọng tưởng, vì để đối trị mà dạy Quán Duy Thức.

b) Nương vào giáo tu quán, có hai.

b.1) Tu lâu lìa lỗi.

Từ nhiều kiếp đến nay, dùng Tam-ma-địa thờ phụng hằng sa Chư Phật, tâm ham cầu tiếng tăm thế gian đã hết không còn. Khi mới tu quán này đã được đối trị, biết danh lợi có không, dày mỏng của thế gian đều do thức mình biến ra, không từ người mà đến. Do đây mà rong ruổi theo sự tìm cầu chợt dứt như vậy.

b.2) Quán thành tựu thì đặc đạo, có hai.

- *Chứng Duy tâm:*

Đến khi Phật Nhiên Đăng xuất hiện ở đời, con mới được thành “Tam-muội Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm”, cho đến ngộ hết các pháp có không, dơ sạch của cõi Phật, đều do tâm con biến hiện, thì quán này mới thành tựu, ở địa vị tương đương giải hạnh. Nay được Tam-muội là đang nhập Sơ địa gọi là chân Kiến đạo. Vì trí thật căn bản vô phân biệt thâm hợp với pháp giới. Năng và sở như một, không có hai tướng. Cho nên Duy Thức Tụng nói: Bấy giờ, đối với sở duyên, trí đều không thật có.

Bấy giờ trụ Duy Thức, vì lìa hai tướng chấp, bấy giờ mới gọi là đích thân chứng, cho nên ngộ hết các pháp có không, dơ sạch của cõi Phật, đều do tâm con biến hiện ra. Nên gọi là vị Thông Đạt trong năm vị kia.

- *Chư Phật xuất hiện:*

Bạch Đức Thế tôn, vì con ngộ Duy Tâm thức như thế, tánh thức hiện ra vô số Như-lai, nay được thọ ký, kế bổ xứ Phật, đích thân chứng được lý chân Duy Thức, y báo, chánh báo, tịnh uế đều duy tâm hiện, cho nên vô lượng Phật đều từ thức tánh hiện ra, nay được bổ xứ Phật cũng do thức của con biến hiện, chẳng phải do người.

c) Chỉ lại kết đáp:

Phật hỏi về viên thông, con quán mười phương Duy thức, tâm thức tròn sáng nhập vào Viên Thành Thật, xa lìa y tha khởi và biến kế chấp, được Vô Sinh Nhẫn, đó là bậc nhất.

Ban đầu quán chánh báo, y báo, nhiễm, tịnh đều do thức hiện, vốn chẳng có tự tánh, tức không khởi biến kế chấp, ngã và pháp luống dối, tức là lìa chấp biến kế, chắc chắn hiểu rõ năng biến, sở biến vốn là tánh sáng tỏ của Bồ-đề Diệu giác, tức lìa y tha khởi, chỉ một báu viên thành trong sạch, vì là giác, nên nói là xa lìa y tha khởi và biến kế chấp.

Duy thức nói: Ban đầu ngay nơi tướng là vô tánh, kế là không có tánh tự nhiên. Về sau, do xa lìa tánh ngã pháp sở chấp ở trước, tức là nghĩa này.

7. Bồ-tát Đại Thế Chí, có ba:

a) Gặp Phật thọ giáo, có hai:

a.1) Nêu ra ý chỉ.

Pháp Vương Tử Đại Thế Chí và năm mươi hai vị Bồ-tát đồng tu một pháp môn, liền đứng dậy khởi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, con nhớ hằng sa kiếp trước có Phật Vô Lượng Quang ra đời, thuở đó có mười hai vị Như-lai nối nhau ra đời trong một kiếp. Vị Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, Đức Phật ấy dạy con tu “Tam-muội Niệm Phật”. Cũng hiệu là Vô Lượng Quang, Đắc Đại Thế, như Quán Kinh có giải thích, Tam-muội niệm Phật như ở dưới có nói.

a.2) Nói lại lời dạy, có hai:

a.2.1) Ví dụ để hiển bày, có hai:

- Dụ cho lỗi không niệm Phật.

Thí như có một người lúc nào cũng nhớ, còn một người lúc nào cũng quên, hai người như thế, nếu gặp hay không gặp, hoặc thấy hay chẳng thấy. Người lúc nào cũng nhớ như Phật, người lúc nào cũng quên là người không niệm Phật, những chúng sinh như thế không chắc chắn thấy Phật, nên nói hoặc gặp hoặc không gặp.

- Dụ cho công đức của niệm Phật:

Hai người nhớ nhau, hai cái nhớ càng tha thiết, như thế cho đến đời này đời khác như hình với bóng, chẳng cách xa nhau. Phật và chúng sinh, nhớ nghĩ tương ứng, cho nên Phật và chúng sinh như bóng với hình.

a.2.2) Hợp với pháp, có hai:

* Hợp với chẳng nhớ niệm Phật:

Các Đức Như-lai Mười phương tưởng nhớ chúng sinh như mẹ nhớ

con, nếu con trốn tránh thì mẹ dù có nhớ cũng chẳng làm gì, được như mẹ nhớ con đó là Phật, như con trốn mẹ là chính chúng sinh, dẫu nhớ cũng chẳng làm gì được, tức là không gặp nhau.

* Hợp với nhớ niệm Phật, có hai:

- Nêu ví dụ để hợp.

Nếu con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con thì đời đời mẹ con chẳng cách xa nhau. Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật niệm Phật, thì hiện tại hay tương lai chắc chắn thấy Phật, cách Phật không xa, không nhờ phương tiện mà tự được tâm khai: trước nêu ví dụ, câu nếu chúng sinh trở xuống là hợp, không nhờ, v.v... trở xuống là được lợi ích.

- Nhờ ví dụ lại hiển rõ:

Như người xông hương thì thân có mùi thơm, đó gọi là Hương Quang Trang Nghiêm: xông hương có mùi thơm, niệm Phật được thấy Phật, nhân quả tương xứng, ai không cho là như vậy?

b) Tu tập được chứng:

Nhân địa gốc của con là nhờ tâm niệm Phật mà được Vô Sinh Nhẫn, nay ở cõi này dắt dẫn người niệm Phật về tịnh độ. Niệm Phật nhập Vô sinh: Nghĩa là trước dùng tâm sinh diệt, duyên theo tướng tốt niệm Phật, chuyên chú một cảnh, tâm không xen hở, thấy tướng tốt y báo trang nghiêm sáng sủa của Phật, quyết thuộc đều vui vẻ. Như đứng trước gương sáng tự thấy mặt mình, mắt nhìn thấy tất cả đều là quả Phật. Sau đó lại quán các cảnh giới Phật được niệm đều là luống dối, vốn chẳng có tự tánh, vì từ tướng niệm hiện ra, do tâm năng niệm khởi ra, nếu chưa khởi từ đâu có được?

Chẳng thấy một pháp rốt ráo vắng lặng, vì tâm chẳng thấy tâm, chẳng có tướng để đắc, cho nên năng và sở cả hai đều vắng lặng, xưa nay lìa niệm, tướng lìa niệm đều bình đẳng với hư không, không nơi nào chẳng trùm khắp.

Pháp giới Nhất tướng tức là pháp thân bình đẳng của Như-lai, ấy là do nhớ đến tướng tốt, thấy pháp thân Phật, tức niệm chẳng sinh, cho nên dùng tâm niệm Phật nhập Vô Sinh Nhẫn, con đã được độ thì pháp thân của chúng sinh không khác với con, tánh không khác có quan hệ lẫn nhau, vì thế người niệm Phật con đều nhiếp lấy, cho nên nói nhiếp người niệm Phật về tịnh độ.

c) Kết đáp lời hỏi:

Phật hỏi về viên thông, con không lựa chọn, nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối nhau, được Tam-ma-địa, đó là bậc nhất. Niệm thuộc về ý căn, ý căn là chỗ nương của các căn, cho nên nhiếp sáu căn.

Niệm là vô niệm, nên nói là tịnh niệm, niệm không xen hở, nên gọi là nối nhau.
Đây là người căn đại tánh được ngộ nhập.

